

Số : 1157/SGD&ĐT-TCCB
V/v giới thiệu CB, GV dự thi sau đại học.

Bến Tre, ngày 14 tháng 11 năm 2008

Kính gửi : Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo


Căn cứ Quyết định số 45/2008/QĐ-BGDĐT ngày 05/8/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ, theo đó kể từ năm 2009, kỳ thi Thạc sĩ sẽ được các cơ sở đào tạo tổ chức 02 đợt (tháng 02 và tháng 8 hàng năm). Yêu cầu ngoại ngữ dùng trong thi tuyển là tiếng Anh, cách thức thi tuyển theo dạng thức TOEFL hoặc IELTS; Riêng kỳ thi tháng 02/2009 môn ngoại ngữ vẫn còn thực hiện theo qui chế tuyển sinh sau đại học năm 2001 (ngoại ngữ tương đương trình độ B).

Trên cơ sở Kế hoạch đào tạo cán bộ, giáo viên các đơn vị trực thuộc giai đoạn 2006-2010 và chỉ tiêu đào tạo Thạc sĩ được giao, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo đến các đơn vị trực thuộc danh sách các cán bộ, giáo viên sẽ dự thi Cao học năm 2009 (Kèm theo danh sách), Thông báo chiêu sinh số 744/TB-SĐH-QLKH ngày 01/10/2008 của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TpHCM và Thông báo số 1468/ĐHCT ngày 13/10/2008 của Trường Đại học Cần Thơ về việc tuyển sinh sau đại học đợt tháng 02/2009.

Ngoài danh sách giáo viên được giới thiệu dự thi theo công văn này, thủ trưởng đơn vị có thể lập Tờ trình xin bổ sung giáo viên dự thi năm 2009 trên cơ sở qui mô phát triển trường, lớp, đội ngũ của đơn vị.

Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ từng lúc sao gửi tiếp tục đến các đơn vị trực thuộc văn bản chiêu sinh sau đại học của các trường Đại học, đề nghị Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc thông báo các công văn này đến cán bộ, giáo viên dự thi năm 2009 để liên hệ trực tiếp với phòng Đào tạo sau đại học của trường dự thi mua hồ sơ.

Hồ sơ xin dự tuyển sau đại học được gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ) trước ngày 15/12/2008 để có Công văn giới thiệu dự thi.

Nơi nhận : 
-Như trên;
-Lưu : VT, TCCB.

KT GIÁM ĐỐC 
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Bé

DANH SÁCH GIÁO VIÊN DỰ THI CAO HỌC NĂM 2009

(Kèm theo Công văn số: **1159**/SGD&ĐT-TCCB ngày **14** tháng **11** năm 2008)

TT	TRƯỜNG	HỌ TÊN	Năm sinh	CHỨC VỤ	CHUYÊN MÔN	GHI CHÚ
1	THPT TRƯƠNG VINH KÝ	Phan Đặng Bình Yên	1983	Giáo viên	ĐHSP Hoá	
2	THPT AN THÀNH	Phạm Văn Lết	1981	Giáo viên	ĐHSP Văn	
3	THPT AN THÀNH	Nguyễn Thanh Thanh	1979	Giáo viên	ĐHSP Văn	
4	THPT AN THÀNH	Nguyễn Minh Tuấn	1982	Giáo viên	ĐHSP Sinh	
5	THPT AN THỚI	Phan Thị Thuỳên	1979	Giáo viên	ĐHSP Anh	
6	THPT AN THỚI	Đoàn Thị Thanh Thuý	1979	Giáo viên	ĐHSP Sinh	
7	THPT AN THỚI	Nguyễn Văn Hội	1974	Giáo viên	ĐHSP Toán	
8	THPT BÌNH ĐẠI A	Hồ Thanh Trúc	1979	Giáo viên	ĐHSP Anh	
9	THPT BÌNH ĐẠI A	Phạm Thị Bé Chín	1984	Giáo viên	ĐHSP Toán	
10	THPT BÌNH ĐẠI A	Nguyễn Thị Tuyết Mai	1977	Giáo viên	ĐHSP Địa	
11	THPT CHÂU THÀNH B	Châu Thúy Mai	1975	Giáo viên	ĐHSP Toán	
12	THPT CHÂU THÀNH B	Nguyễn Văn Quốc	1978	Giáo viên	ĐHSP Sử	
13	THPT CHÂU THÀNH B	Tạ Đoàn Hiệp	1982	Giáo viên	ĐH Tin học	
14	THPT CHÂU THÀNH B	Lê Văn Dũng	1982	Giáo viên	ĐHSP Hoá	
15	THPT CHÂU THÀNH B	Nguyễn Thị Hồng Diệp	1981	Giáo viên	ĐHSP Lý	
16	THPT CHÂU THÀNH B	Võ Thị Diệp Tuyền	1980	Giáo viên	ĐHSP Lý	
17	THPT CHÊ GUÊVARA	Nguyễn Hoàng Long	1965	CT CĐCS	ĐHSP Toán	
18	THPT CHÊ GUÊVARA	Nguyễn Văn Bằng	1975	Giáo viên	ĐHSP Lý	
19	THPT CHUYÊN BẾN TRE	Phạm Cẩm Thúy	1969	Giáo viên	ĐHSP Anh	
20	THPT CHUYÊN BẾN TRE	Nguyễn Văn Quý	1962	Giáo viên	ĐHSP Toán	
21	THPT CHUYÊN BẾN TRE	Trần Thanh Liêm	1961	Giáo viên	ĐHSP Toán	
22	THPT GIAO THẠNH	Nguyễn Văn Lý	1982	Giáo viên	ĐHSP Sinh	
23	THPT GIAO THẠNH	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	1985	Giáo viên	ĐH Văn	
24	THPT LÊ ANH XUÂN	Huỳnh Thị Tuyết Anh	1980	Giáo viên	ĐHSP Lý	
25	THPT LÊ ANH XUÂN	Mai Thị Thùy Nga	1979	Giáo viên	ĐHSP Sinh	
26	THPT LÊ ANH XUÂN	Huỳnh Tú Châu	1979	Giáo viên	ĐHSP Văn	
27	THPT LÊ QUÍ ĐÓN	Trần Thị Lành	1968	Giáo viên	ĐHSP Văn	
28	THPT MẠC ĐỈNH CHI	Đỗ Dã Diễm	1976	Giáo viên	ĐHSP Sinh	
29	THPT MẠC ĐỈNH CHI	Lê Thị Băng Tuyền	1977	Giáo viên	ĐHSP Văn	
30	THPT MỸ CHÁNH	Nguyễn Thị Thi	1980	Giáo viên	ĐHSP Vật lý	
31	THPT NGÔ VĂN CĂN	Nguyễn T. Kim Phượng	1982	Giáo viên	ĐHSP Hoá	
32	THPT NGÔ VĂN CĂN	Lê Thanh Hải	1980	Giáo viên	ĐHSP Toán	
33	THPT NGÔ VĂN CĂN	Phạm Thành Nhân	1983	Giáo viên	ĐHSP Sinh	
34	THPT NGÔ VĂN CĂN	Bùi Thị Ngọc Tuyền	1981	Giáo viên	ĐHSP Lý	
35	THPT NGÔ VĂN CĂN	Trần Minh Quý	1984	Giáo viên	ĐHSP Văn	
36	THPT NGÔ VĂN CĂN	Mai Phát Tài	1984	Giáo viên	ĐHSP Toán	
37	THPT NGÔ VĂN CĂN	Nguyễn Văn Tâm	1980	Giáo viên	ĐHSP Toán	
38	THPT NGÔ VĂN CĂN	Huỳnh Thị Yến Tuyết	1983	Giáo viên	ĐHSP GDCCD	
39	THPT NGUYỄN NGỌC THĂNG	Phạm Thị Suông	1985	Giáo viên	ĐHSP Văn	
40	THPT NGUYỄN NGỌC THĂNG	Trần Thị Lệ Thủy	1980	Giáo viên	ĐHSP Toán	
41	THPT NGUYỄN NGỌC THĂNG	Nguyễn T Ngọc Duyên	1979	Giáo viên	ĐHSP Toán	
42	THPT NGUYỄN NGỌC THĂNG	Trần Thị Dung	1985	Giáo viên	ĐHSP Sinh	
43	THPT NGUYỄN NGỌC THĂNG	Phan Bá Thịnh	1983	Giáo viên	ĐHSP Toán	
44	THPT NGUYỄN NGỌC THĂNG	Nguyễn Ngọc Hưng	1981	Giáo viên	ĐHSP Văn	
45	THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI	Nguyễn Văn Xuyên	1977	Giáo viên	ĐHSP Văn	
46	THPT NGUYỄN TRÁI	Lê Thị Diễm	1982	Giáo viên	ĐHSP Văn	
47	THPT ĐOÀN THỊ ĐIỂM	Nguyễn Anh Tuấn	1980	Giáo viên	ĐHSP Hoá	
48	THPT ĐOÀN THỊ ĐIỂM	Trịnh Thị Diễm	1981	Giáo viên	ĐHSP Sinh	
49	THPT PHAN THANH GIẢN	Phạm Văn Hoà	1978	Giáo viên	ĐHSP Hoá	
50	THPT SƯƠNG N. ANH	Nguyễn Văn Nhân	1978	Giáo viên	ĐHKHTN Hoá	
51	THPT SƯƠNG N. ANH	Lê Phạm Hoàng Tuấn	1979	P.HTrưởng	ĐHSP Sử	
52	THPT SƯƠNG N. ANH	Võ Thị Tuyết Mai	1979	Giáo viên	ĐHSP Hoá	
53	THPT TẤN KẾ	Đỗ Thị Phúc	1979	Giáo viên	ĐHSP Văn	
54	THPT TRẦN VĂN ƠN	Lai Hữu Lộc	1978	Giáo viên	ĐHSP Sử	

Danh sách này có 54 người

Số: 1468/ĐHCT

Cần Thơ, ngày 13 tháng 10 năm 2008

THÔNG BÁO
TUYÊN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 1 NĂM 2009

--☆☆☆--

Trường Đại học Cần Thơ thông báo Tuyển sinh Sau đại học đợt 1 năm 2009, như sau:

1 Các chuyên ngành và môn thi tuyển

1.1 Bậc Thạc sĩ (Cao học)

TT	Chuyên ngành	Các môn thi tuyển		
		Ngoại ngữ	Môn cơ bản	Môn cơ sở
1	Trồng trọt	Anh văn	Toán thống kê	Sinh lý thực vật
2	Bảo vệ thực vật	Anh văn	Toán thống kê	Sinh lý thực vật
3	Chăn nuôi	Anh văn	Toán thống kê	Sinh lý động vật
4	Thú y	Anh văn	Toán thống kê	Sinh lý động vật
5	Phát triển nông thôn	Anh văn	Toán thống kê	Hệ thống canh tác
6	Nuôi trồng thủy sản	Anh văn	Toán thống kê	Sinh lý và Dinh dưỡng động vật thủy sản
7	Khoa học đất	Anh văn	Toán thống kê	Thổ nhưỡng
8	Khoa học môi trường	Anh văn	Toán thống kê	Sinh thái học cơ bản
9	Quản lý môi trường	Anh văn	Toán thống kê	Quản lý môi trường
10	Sinh thái học	Anh văn	Toán thống kê	Sinh học đại cương
11	Công nghệ sinh học	Anh văn	Toán thống kê	Sinh học đại cương
12	Công nghệ thực phẩm và đồ uống	Anh văn	Toán cao cấp	Hóa sinh công nghiệp
13	Công nghệ sau thu hoạch	Anh văn	Toán thống kê	Công nghệ bảo quản nông sản sau thu hoạch
14	Đại số và lý thuyết số	Anh văn	Giải tích	Đại số
15	Toán giải tích	Anh văn	Giải tích	Đại số
16	LT xác suất và thống kê toán học	Anh văn	Giải tích	Đại số
17	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Anh văn	Phương trình toán lý	Cơ học lượng tử
18	Vật lý kỹ thuật	Anh văn	Phương trình toán lý	Cơ học lượng tử
19	Hóa lý thuyết và hóa lý	Anh văn	Toán cao cấp	Cơ sở lý thuyết hóa
20	Hóa hữu cơ	Anh văn	Toán cao cấp	Cơ sở lý thuyết hóa
21	Lý luận và PPDH bộ môn tiếng Anh	Pháp văn	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Ngôn ngữ học
22	Lý luận và PPDH BM tiếng Pháp	Anh văn	Lý luận dạy học tiếng Pháp	Phân tích văn bản
23	LL và PPDH BM Văn và tiếng Việt	Anh văn	Phương pháp dạy học Ngữ văn	Lý luận văn học
24	Văn học Việt Nam	Anh văn	Triết học	Lý luận văn học
25	Quản trị kinh doanh	Anh văn	Toán Kinh tế	Kinh tế - Kinh tế chính trị
26	Kinh tế tài chính - ngân hàng	Anh văn	Toán Kinh tế	Kinh tế - Kinh tế chính trị
27	Kinh tế nông nghiệp	Anh văn	Toán Kinh tế	Kinh tế - Kinh tế chính trị
28	Hệ thống thông tin	Anh văn	Toán rời rạc	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật

1.2 Bậc Tiến sĩ (Nghiên cứu sinh)

TT	Chuyên ngành học vị Tiến sĩ	Môn thi		
		Ngoại ngữ	Chuyên ngành	Đề cương
1	Bảo vệ thực vật	Anh văn	Bệnh cây	Bảo vệ đề cương
2	Chăn nuôi động vật	Anh văn	Kỹ thuật nuôi gia súc gia cầm	Bảo vệ đề cương
3	Đất và dinh dưỡng cây trồng	Anh văn	Phì nhiều đất	Bảo vệ đề cương
4	Trồng trọt	Anh văn	Hệ thống canh tác	Bảo vệ đề cương
5	Vi sinh vật học	Anh văn	Vi sinh vật chuyên sâu	Bảo vệ đề cương
6	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ	Anh văn	Nuôi trồng thủy sản	Bảo vệ đề cương
7	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Anh văn	Nuôi trồng thủy sản	Bảo vệ đề cương

2 Đối tượng dự thi và hình thức đào tạo

2.1.1 Bậc Thạc sĩ

Về văn bằng: người dự thi cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

- Đã tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi.
Riêng đối với ngành ngoại ngữ, nếu người dự thi đăng ký theo ngành ngoại ngữ đúng với bằng tốt nghiệp đại học theo hình thức giáo dục thường xuyên thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy thuộc ngành ngoại ngữ khác;
- Người có bằng tốt nghiệp đại học gần với ngành, chuyên ngành dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

Về Kinh nghiệm công tác chuyên môn:

- Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Những đối tượng còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi, kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

Có đủ sức khỏe để học tập

2.1.2 Bậc Tiến sĩ

- Có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành, chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần.
- Có ít nhất một bài báo đã công bố trên tạp chí khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi. Nội dung bài báo phải phù hợp với hướng nghiên cứu đăng ký dự thi.
- Có ít nhất hai năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực đăng ký dự thi, trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.
- Có đủ sức khỏe để học tập

2.2 Hình thức và thời gian đào tạo

- Bậc Thạc sĩ: hình thức đào tạo: tập trung, thời gian đào tạo 2 năm.
- Bậc Tiến sĩ: hình thức đào tạo không tập trung, thời gian đào tạo 4 năm.

3 Điều kiện miễn thi ngoại ngữ

Thí sinh được miễn thi tuyển môn ngoại ngữ Anh văn nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành tiếng Anh;
- Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài mà ngôn ngữ dùng trong đào tạo là tiếng Anh;
- Có bằng tốt nghiệp đại học tại các chương trình đào tạo trong nước mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng Anh không qua phiên dịch;
- Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL ITP 400, iBT 32 hoặc IELTS 4.5 trở lên (kể cả chứng chỉ ngoại ngữ do cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ với Anh TOEFL ITP 400, iBT 32 hoặc IELTS 4.5 trở lên) trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ.

Thí sinh dự thi chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh được miễn thi tuyển môn ngoại ngữ nếu có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy thuộc ngành ngoại ngữ khác.

4 Chính sách ưu tiên

a) Đối tượng

- Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo theo quy định của Chính phủ;
- Thương binh, bệnh binh người có thể chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;
- Người dân tộc thiểu số ở những vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Các đối tượng được ưu tiên theo mục a khoản 1 Điều này phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc biệt phái công tác của cấp có thẩm quyền.

c) Chính sách ưu tiên:

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản;
- Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

5. Các trường hợp miễn thi tuyển sinh

5.1 Miễn thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ:

a) Đối tượng: Sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi trở lên.

b) Điều kiện: Sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy được miễn thi khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi trở lên, đúng ngành, chuyên ngành dự thi, có kết quả rèn luyện cuối khoá xếp từ loại khá trở lên;
- Được khen thưởng cuối khoá học về thành tích học tập hoặc nghiên cứu khoa học (bằng khen, giấy khen) từ cấp trường trở lên;
- Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL ITP 450, iBT 45 hay IELTS 5.0 hoặc tương đương;
- Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký quyết định tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ xét chuyển tiếp sinh;
- Số lượng người được miễn thi tuyển sinh không vượt quá 20 % tổng chỉ tiêu đào tạo thạc sĩ trong năm của cơ sở đào tạo.

c) Việc xét miễn thi tuyển sinh được thực hiện hàng năm, trước kỳ thi tuyển sinh ít nhất một tháng.

5.2 Chuyển tiếp sinh đào tạo tiến sĩ

Học viên cao học được xét chuyển tiếp sinh đào tạo tiến sĩ trong năm tốt nghiệp nếu thoả mãn các điều kiện sau:

- Dưới 40 tuổi.
- Điểm trung bình chung các môn học ở trình độ thạc sĩ đạt 8,0 trở lên.
- Không có môn học nào đạt điểm dưới 7,0 ở lần thi đầu.
- Luận văn đạt 9,0 trở lên, được Hội đồng chấm luận văn nhất trí đánh giá có khả năng phát triển thành luận án tiến sĩ.
- Hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn, không phải tạm ngừng học tập, không phải gia hạn thời gian học tập và bảo vệ luận văn.
- Có ít nhất một bài báo phù hợp với đề tài nghiên cứu được công bố trên tạp chí khoa học.
- Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ đúng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ.
- Nằm trong số 5% học viên tốt nghiệp có điểm trung bình chung các môn học cao nhất của khoá học.
- Tổng số học viên được duyệt chuyển tiếp sinh được tính trong chỉ tiêu tuyển mới và không vượt quá 10% tổng chỉ tiêu tuyển mới đào tạo tiến sĩ năm đó của cơ sở đào tạo.

5.3 Chuyển tiếp sinh được miễn thi tuyển, Chuyển tiếp sinh đào tạo tiến sĩ phải báo về đề cương nghiên cứu tại tiểu ban chấm đề cương nghiên cứu sinh trong kỳ thi tuyển sinh đại học. Chuyển tiếp sinh chỉ xét trong thời gian tối đa 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp để vào học khoá tiếp theo sau khi tốt nghiệp. Chuyển tiếp sinh cao học do Hiệu trưởng trường đại học xem xét quyết định. Chuyển tiếp sinh nghiên cứu sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định.

6. Hồ sơ đăng ký dự tuyển (đối với bậc tiến sĩ, thí sinh nộp 2 bộ hồ sơ)

- Đơn xin dự tuyển (theo mẫu),
- Lý lịch khoa học (theo mẫu),
- Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học (có công chứng),
- Công văn giới thiệu dự thi của thủ trưởng cơ quan quản lý đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước,
- Giấy chứng nhận sức khỏe (của bệnh viện đa khoa cấp tỉnh),
- 03 phong bì có dán tem, địa chỉ liên hệ,
- 03 ảnh 3 x 4 (đúng khổ, ảnh mới),
- Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có).

Đối với bậc tiến sĩ cần thêm

- Bản sao văn bằng tốt nghiệp thạc sĩ (có công chứng),
- Bản sao bảng điểm thạc sĩ (có công chứng),
- Bản kê danh mục các bài báo,
- Bản sao chụp các bài báo khoa học đã công bố,
- Đề cương nghiên cứu.

Lưu ý:

- *Chỉ nhận và xử lý các hồ sơ đã nộp đầy đủ,*
- *Hồ sơ đăng ký dự tuyển sẽ không được trả lại.*

7. Thời gian nộp hồ sơ, ôn tập và thi tuyển

- Thời hạn nộp hồ sơ : từ ngày ra thông báo đến ngày 19/12/2008
- Thời gian ôn tập : từ 22/12/2008 đến 17/01/2009 (ôn tập cả 3 môn).
- Thời gian thi tuyển : Tháng 2 năm 2009 (theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

8. Lệ phí thi tuyển và hồ sơ

Tất cả lệ phí nộp tại phòng Tài vụ của Trường Đại học Cần Thơ, bao gồm:

- Lệ phí thi và đăng ký dự tuyển Cao học: 350.000 ĐVN
- Lệ phí thi và đăng ký dự tuyển Nghiên cứu sinh: 1.000.000 ĐVN
- Lệ phí ôn tập cho cả 3 môn chuyên ngành cao học:
 - + Các ngành: Toán, Lý, Hoá và Kinh tế 900.000 ĐVN
 - + Ngành: Công nghệ thực phẩm và đồ uống 750.000 ĐVN
 - + Các ngành còn lại 600.000 ĐVN

9. Địa chỉ liên hệ đăng ký và nộp hồ sơ

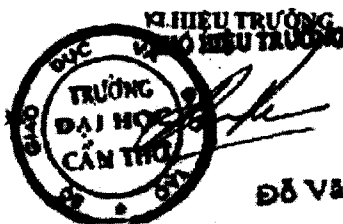
Hồ sơ đăng ký dự thi tuyển Sau đại học và mọi chi tiết khác có liên quan xin liên hệ:

Phòng Đào tạo - Trường Đại học Cần Thơ

Khu II đường 3 tháng 2 - Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0710.831530-8356, fax: 0710.831156

Thông tin trên trang Web: <http://www.ctu.edu.vn/departments/daa/>



Đỗ Văn Xã

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 1 NĂM 2009

I. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. HCM thông báo về việc tuyển sinh Sau Đại học năm 2009 như sau:

- Kế hoạch tuyển sinh: Tuyển sinh hai đợt (đợt 1 vào tháng 02/2009, đợt 2 vào tháng 08/2009)
- Đợt 1 tuyển sinh theo Quy chế của Bộ GDĐT và ĐHQG-HCM ban hành năm 2001
- Đợt 2 tuyển sinh theo Quy chế 45, ký ngày 05/8/2008 của Bộ GDĐT

II. Chi tiết tuyển sinh đợt 1 tháng 02 năm 2009

III. CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

STT	Chuyên ngành	Đào tạo		Các môn thi tuyển				Chuyên ngành
		TS	TS	Ngoại ngữ	Cơ bản	Cơ sở		
1.	Văn học Việt Nam	X	X	Ngoại ngữ	Triết học	Lý luận văn học		Văn học Việt Nam
2.	Lý luận văn học		X	Ngoại ngữ	Triết học	Lý luận văn học		Văn học Việt Nam
3.	Văn học nước ngoài	X		Ngoại ngữ	Triết học	Lý luận văn học		
4.	Ngôn ngữ học	X		Ngoại ngữ	Triết học	Ngôn ngữ học đại cương		
5.	Lý luận ngôn ngữ		X	Ngoại ngữ	Triết học	Ngôn ngữ học đại cương		Ngôn ngữ học so sánh
6.	Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu		X	Ngoại ngữ	Triết học	Ngôn ngữ học đại cương		Ngôn ngữ học so sánh
7.	Ngôn ngữ Nga	X	X	Ngoại ngữ	Triết học	Ngôn ngữ học đại cương		Ngôn ngữ học so sánh
8.	Lịch sử Việt Nam	X		Ngoại ngữ	Triết học	Phương pháp luận sử học		
9.	Lịch sử Việt Nam cổ đại và trung đại		X	Ngoại ngữ	Triết học	Phương pháp luận sử học		Lịch sử Việt Nam
10.	Lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại		X	Ngoại ngữ	Triết học	Phương pháp luận sử học		Lịch sử Việt Nam
11.	Lịch sử thế giới	X		Ngoại ngữ	Triết học	Phương pháp luận sử học		
12.	Lịch sử thế giới cận đại và hiện đại		X	Ngoại ngữ	Triết học	Phương pháp luận sử học		Lịch sử thế giới
13.	Lịch sử Đảng CSVN	X		Ngoại ngữ	Triết học	Phương pháp luận sử học		
14.	Khảo cổ học	X		Ngoại ngữ	Triết học	Phương pháp luận sử học		
15.	Dân tộc học	X	X	Ngoại ngữ	Triết học	Phương pháp luận sử học		Dân tộc học
16.	Triết học	X		Ngoại ngữ	Triết chuyên ngành	Lịch sử Triết học		
17.	Lịch sử triết học		X	Ngoại ngữ	Triết chuyên ngành	CNDVBC & CNDVLS		Lịch sử Triết học
18.	CNDVBC & CNDVLS		X	Ngoại ngữ	Triết chuyên ngành	Lịch sử Triết học		CNDVBC & CNDVLS
19.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X		Ngoại ngữ	Triết chuyên ngành	Lịch sử tư tưởng XHCN		
20.	Xã hội học	X		Ngoại ngữ	Triết học	Lịch sử xã hội học		
21.	Châu Á học	X		Ngoại ngữ	Triết học	Lịch sử văn minh P. Đông		
22.	Văn hóa học	X	X	Ngoại ngữ	Triết học	Cơ sở Văn hóa Việt Nam		Văn hóa so sánh
23.	Khoa học Thư viện	X		Ngoại ngữ	Triết học	Thông tin học đại cương		
24.	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	X	Pháp, Nga, Đức, Trung		Triết học	Linguistics		
25.	Địa lý học (trừ địa lý tự nhiên)	X		Ngoại ngữ	Toán cao cấp 3	Địa lý đại cương		
26.	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường	X		Ngoại ngữ	Toán cao cấp 3	Địa lý đại cương		
27.	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường		X	Ngoại ngữ	Toán cao cấp 3	Môi trường học cơ bản		Tài nguyên môi trường & phát triển bền vững
28.	Quản lý giáo dục (dự kiến)	X		Ngoại ngữ	Triết học	Giáo dục học		
29.	Việt Nam học (dự kiến)	X		Ngoại ngữ	Triết học	Cơ sở văn hóa Việt Nam		

IV. CÁC MÔN THI VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ THI

IV.1. Các môn thi bậc Thạc sĩ

1. Môn ngoại ngữ trình độ B
2. Môn cơ bản
3. Môn cơ sở

IV.2. Các môn thi bậc Tiến sĩ

% Đối với thí sinh có bằng Cử nhân

1. Môn ngoại ngữ trình độ C
2. Môn cơ bản
3. Môn cơ sở
4. Môn chuyên ngành
5. Đề cương nghiên cứu

% Đối với thí sinh có bằng Thạc sĩ

1. Môn ngoại ngữ trình độ C
2. Môn chuyên ngành
3. Đề cương nghiên cứu

Ghi chú: Về môn ngoại ngữ, thí sinh có thể chọn một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung.

IV.3. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ không phân biệt đơn vị đào tạo, loại hình đào tạo, hạng tốt nghiệp (một trong năm thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung). Những người này nếu thi SDH ngành ngoại ngữ thì phải thi ngoại ngữ thứ hai, kể cả người có bằng song ngữ.
- Có chứng chỉ IELTS 5.5 điểm trở lên hoặc TOEFL đạt 500 điểm trở lên do tổ chức quốc tế cấp trong thời gian hai năm tính đến ngày dự thi SDH.
- Có bằng đại học học tiến sĩ ở nước ngoài mà ngôn ngữ chính sử dụng trong học tập là một trong năm thứ tiếng nêu trên

IV.4. Điều kiện dự thi

1. Bậc Thạc sĩ

- Thí sinh tốt nghiệp đại học **đúng ngành** hoặc **phù hợp** với ngành đăng ký dự thi, không phân biệt đơn vị đào tạo, loại hình đào tạo, hạng tốt nghiệp. Trường hợp thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đăng ký dự thi cần phải bổ túc kiến thức trước khi thi tuyển.

2. Bậc Tiến sĩ: Thí sinh cần đáp ứng một trong các điều kiện văn bằng sau:

- Có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành, chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần. Trường hợp thí sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần với ngành đăng ký dự thi thì phải bổ túc kiến thức.
- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng đại học chính quy đúng ngành hoặc ngành phù hợp; trường hợp này thí sinh phải dự thi như người chưa có bằng thạc sĩ.
- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy đúng ngành, loại giỏi trở lên.

Ghi chú: Điều kiện dự thi bậc tiến sĩ có thể thay đổi theo Quy chế mới sắp ban hành.

V. CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN:

V.1. Đối tượng ưu tiên: Thương binh, Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người thuộc dân tộc thiểu số, người hiện đang công tác từ hai năm trở lên tại các khu vực miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi. (Danh mục các xã, phường, thị trấn thuộc miền núi, vùng cao do Ủy ban Dân tộc và miền núi xét công nhận. Danh mục các xã, phường, thị trấn thuộc vùng sâu, hải đảo do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW đề nghị). Những thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên này phải có giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (UBND tỉnh chứng nhận).

V.2. Cộng điểm ưu tiên: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm 10 điểm (thang điểm 100) cho môn ngoại ngữ và 1 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản. Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên cũng chỉ được hưởng một lần ưu tiên.

VI. HỒ SƠ VÀ CHỖ ĐĂNG KÝ DỰ THI

VI.1. Phát và nhận hồ sơ dự thi: từ ngày 15/10/2008 đến hết ngày 31/11/2008

VI.2. Các lớp bổ túc kiến thức (dành cho thí sinh tốt nghiệp ngành gần - **Chỉ mở lớp khi có đủ số lượng thí sinh đăng kí - những thí sinh thuộc diện bổ túc kiến thức nên đăng kí sớm**)

- + Thời gian đăng ký : từ ngày 15/10 - 03/11/2008
- + Học và thi dự kiến : từ ngày 03/11 - 05/12/2008

VI.3. Các lớp ôn thi tuyển sinh (Chỉ mở lớp khi có đủ số lượng thí sinh đăng kí)

- + Thời gian ghi danh học: Từ 03/11 - 19/12/2008

VI.4. Ngày thi tuyển sinh sau đại học dự kiến: Cuối tháng 02/2009

VII. CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO PHÙ HỢP VÀ GẦN VỚI CHUYÊN NGÀNH DỰ THI

	Mã số	Ngành đào tạo đại học phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần
1.	- Văn học Việt Nam - Lý luận văn học - Văn học Việt Nam	60 22 34 62 22 32 01 62 22 34 01	- Văn học, Ngữ văn - Ngữ văn Việt Nam - Ngữ văn Trung Quốc - Hán Nôm
2.	- Văn học nước ngoài	60 22 30	- Văn học, Ngữ văn - Hán Nôm, Ngôn ngữ - Ngữ văn Trung Quốc - Ngữ văn Anh (Anh văn) - Ngữ văn Pháp (Pháp văn) - Ngữ văn Nga (Nga văn) - Ngữ văn Đức (Đức văn) - Đông phương học, Văn hóa học
3.	- Ngôn ngữ học - Lý luận ngôn ngữ - Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu	60 22 01 62 22 01 01 62 22 01 10	- Ngôn ngữ học - Ngữ văn - Văn học, Hán Nôm, Báo chí - Ngữ văn Trung Quốc - Ngữ văn Anh (Anh văn) - Ngữ văn Pháp (Pháp văn) - Ngữ văn Nga (Nga văn) - Ngữ văn Đức (Đức văn) - Ngữ văn Nhật (Nhật văn)

		Ngành đào tạo đại học phù hợp		Ngành đào tạo đại học gần
4.	- Ngôn ngữ Nga	60 22 05 62 22 05 01	- Ngữ văn Nga (Nga văn)	
5.	- Lịch sử Việt Nam - Lịch sử Việt Nam cổ đại và trung đại - Lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại	60 22 54 62 22 54 01 62 22 54 05	- Lịch sử, SP Lịch sử, LS thế giới - Lịch sử Đảng, Lưu trữ học - Nhân học, Dân tộc học - Khảo cổ học - Lưu trữ học và quản trị văn phòng	- Chính trị học, CN chính trị, KH chính trị - Quan hệ quốc tế, Quốc tế học - Đông phương học, Khu vực học - Việt Nam học, Bảo tồn - Bảo tàng
6.	- Lịch sử thế giới - Lịch sử thế giới cận đại và hiện đại	60 22 50 62 22 50 05	- Lịch sử, SP Lịch sử, Lịch sử VN - Lịch sử thế giới, Lịch sử Đảng - Lưu trữ học, Quan hệ QT - Nhân học, Khảo cổ học	- Quốc tế học, Việt Nam học - Đông Nam Á học, Đ. Phương học - Chính trị học, CN chính trị, KH chính trị - Văn hóa học, Du lịch - Châu Á học, Bảo tồn - Bảo tàng
7.	- Lịch sử Đảng CSVN	60 22 56	- Lịch sử, Lịch sử VN, LS thế giới - Lưu trữ học, Khảo cổ học - XD Đảng và CQ nhà nước	- Triết học, CNXHKKH, Chính trị học - Giáo dục chính trị, Lý luận chính trị - CN chính trị, KH chính trị, KT chính trị - Xã hội học, Nhân học, Dân tộc học
8.	- Khảo cổ học	60 22 60	- Khảo cổ học - Lịch sử, Lịch sử VN, LS thế giới - Nhân học, Dân tộc học	- Bảo tồn bảo tàng, Địa chất, VN học - Văn hóa học, Nhân chủng học, Hán Nôm - Cổ sinh vật học, Cổ thực vật học - Đông phương học, Lưu trữ học - Châu Á học, ĐNA học
9.	- Dân tộc học	60 22 70 62 22 70 01	- Lịch sử - Dân tộc học	- Lịch sử Đảng, Khảo cổ học - Quan hệ quốc tế, Quốc tế học - Đông phương học, Khu vực học - Việt Nam học, Văn hóa học, Xã hội học - Bảo tồn - Bảo tàng, Du lịch
10.	- Triết học - Lịch sử Triết học - CN DVBC & CNDVLS	60.22.80 62 22 80 01 62 22 80 05	- Triết học, Giáo dục công dân - Giáo dục chính trị - Chính trị học, CN chính trị - CNXHKKH, Khoa học chính trị	- Sử - Chính trị, Lịch sử Đảng, Xã hội học - Hành chính học, Tâm lý - Giáo dục - Luật hành chính, Giáo dục học - Quản lý giáo dục, Kinh tế chính trị
11.	- Chủ nghĩa xã hội khoa học	60 22 85	- Triết học, Khoa học chính trị - Giáo dục chính trị - Chính trị học, CN chính trị - XD Đảng và CQ nhà nước	- Luật hành chính, Kinh tế chính trị - Hành chính học, Luật học, Quan hệ QT - Lịch sử Đảng, Xã hội học, QL giáo dục
12.	- Xã hội học	60.31.30	- Xã hội học	- Triết học, Chủ nghĩa XHKH - Văn hóa học, Đông phương học - Kinh tế chính trị, Chính trị học - Lịch sử, Tâm lý học - Nhân học, Dân tộc học
13.	- Châu Á học	60 31 50	- Đông phương học, Văn hóa học - Lịch sử thế giới, Quốc tế học - Quan hệ quốc tế - Đông Nam Á học	- Văn học nước ngoài - Dân tộc học, Lịch sử Việt Nam - Chính trị học, Kinh tế đối ngoại - Ngôn ngữ văn hóa phương Đông
14.	- Văn hóa học	60 31 70	- Văn hóa học, Triết học, Ngữ văn - Đông phương học, Hán Nôm - Lịch sử, Phát hành sách, ĐNA học - Xuất bản, Thư viện, Thông tin - Văn hóa dân tộc, Văn hóa QC - Lý luận nghệ thuật, Du lịch - Dân tộc học/ Nhân học, VN học - Ngôn ngữ văn hóa phương Đông	- Báo chí học - Bảo tồn bảo tàng, Chính trị học - Xã hội học, Địa lý du lịch - Quản trị du lịch, Quản trị du lịch KS - Ngữ văn Anh
15.	- Khoa học thư viện	60 32 20	- Thư viện - Thông tin - Thư viện - Thư mục - Thông tin học	- Báo chí, Văn hóa học, Ngữ văn, Lịch sử - Lưu trữ, Xuất bản, Văn hóa quần chúng - Phát hành sách, Xã hội học
16.	- Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	60 14 10	- Ngữ văn Anh (Anh văn)	
17.	- Sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường	60 85 15 62 85 15 01	- Địa lý - Môi trường - Kỹ thuật môi trường	- Địa chất, Bản đồ, Quản lý đất đai - Nông nghiệp, Lâm nghiệp - Khí tượng - Thủy văn - Thủy sản, Thủy lợi, Thủy điện - Hóa, Sinh, Xây dựng

			Ngành đào tạo đại học phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần
18.	- Địa lý học (trừ Địa lý tự nhiên)	60 31 95	- Địa lý	- Kinh tế học (Quản trị kinh doanh, Kinh tế du lịch) - Du lịch, Đông Nam Á
19.	- Giáo dục học (dự kiến)	60 14 05	- Quản lý giáo dục - Tâm lý giáo dục - Giáo dục học - Tâm lý học - Giáo dục mầm non - Giáo dục tiểu học - Giáo dục đặc biệt	- Có bằng cử nhân tất cả các ngành
20.	- Việt Nam học (dự kiến)	60 31 60	- Việt Nam học	1. những người tốt nghiệp các ngành sau sẽ học chương trình bổ túc kiến thức 1. - Ngôn ngữ học - Văn học - Báo chí - Hán Nôm - Ngữ văn Anh - Ngữ Văn Pháp - Ngữ văn Nga - Ngữ văn Đức - Ngữ văn Trung Quốc 2. những người tốt nghiệp các ngành sau sẽ học chương trình bổ túc kiến thức 2. - Đông phương học - Văn hóa học - Lịch sử - Nhân học - Xã hội học - Quốc tế học - Du lịch học - Chính trị học - Luật học - Tâm lý học - Triết học - Quản lý xã hội - Khoa học môi trường - Địa lý

VIII. LỆ PHÍ THI TUYỂN

1. Lệ phí hồ sơ và đăng ký thi: 50.000^d /bộ hồ sơ

2. Lệ phí thi:

- Cao học : 300.000đ (100.000^d /môn)
- Nghiên cứu sinh : + Có bằng thạc sĩ : 450.000đ (150.000^d /môn)
+ Có bằng cử nhân : 750.000đ (150.000^d /môn)

3. Lệ phí ôn thi :

- Môn cơ bản, Ngoại ngữ : 420.000 đ/ 60 tiết (7.000đ/ tiết)
- Môn cơ sở : 210.000 đ/ 30 tiết (7.000đ/ tiết)
- Môn chuyên ngành : thí sinh liên hệ trực tiếp với Phòng SDH-QLKH

* Mọi chi tiết xin liên hệ

Phòng Sau Đại học – Quản lý khoa học, Trường Đại học KHXH&NV TP. Hồ Chí Minh.

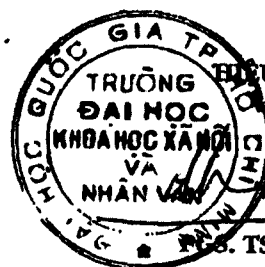
Phòng B.110, số 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 9.100.221; Hoặc website : www.hcmussh.edu.vn/

Nơi nhận: - ĐHQG-HCM (để báo cáo)

- BGH (để báo cáo)

- Lưu TC-HC, SDH-QLKH



TS. Võ Văn Sen